

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 224/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Phụng và ông Đỗ Minh Vương.

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê K**, sinh năm 1969

Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Ông Lê K và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 225/ĐKKH ngày 20 tháng 12 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa hợp nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm lạnh nhạt nên ông K bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng không còn chung sống hơn 20 năm nay.

Nay ông Lê K xét thấy vợ chồng ly thân không chung sống với nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm đến nay cũng không còn nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị M.

Tại các văn bản ghi ý kiến của bà Lê Thị M (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bà M thống nhất thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như ông Lê K đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2000 ông K bỏ đi làm ăn xa ở Hải

Phòng, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con. Nay ông K yêu cầu giải ly hôn thì bà M không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Ông K khai vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Thanh D, sinh năm 1989; Lê Thị Thanh P, sinh năm 1991 và Lê Thanh H, sinh năm 1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M công nhận vợ chồng có 03 con chung như ông K khai, nếu ông K cương quyết ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Ông K và bà M cùng khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn ông Lê K đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn bà Lê Thị M tại phiên tòa vắng mặt không lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê K có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giải quyết được ly hôn với bà Lê Thị M. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ông K và bà M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lê K được ly hôn với bà Lê Thị M là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông K và bà M khai thống nhất có 03 con chung đến nay tất cả đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà M cùng khai không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê K là nguyên đơn hiện tại làm ăn sinh sống tại Hải Phòng, do tình hình dịch bệnh covid diễn biến phức tạp nên không thể trực đến Tòa án tham gia giải quyết, xét xử vụ án ly hôn theo yêu cầu của Tòa án, ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật

Bị đơn bà Lê Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà M vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Ông Lê K và bà Lê Thị M i đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện Đ vào năm 1988 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, ông Lê K cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hòa hợp nhau làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm lạnh nhạt nên ông K bỏ đi làm ăn xa, thực tế vợ chồng ly thân không chung sống với nhau hơn hai 20 năm nay, không ai quan tâm đến ai, đến nay tình cảm vợ chồng cũng không còn. Đối với bà Lê Thị M cho rằng trong quá trình

chung sống vợ chồng đến năm 2000 thì ông K đi làm ăn xa ở Hải Phòng và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác đã có con, vợ chồng ly thân không còn chung sống với nhau đã lâu. Theo xác minh tại địa phương mâu thuẫn vợ chồng ông K và bà M xảy ra từ rất lâu nay, ông K đã bỏ đi và vợ chồng đã ly thân từ mười mấy năm nay. Đối với bà M không đồng ý ly hôn nhưng lại không có mặt tại phiên tòa để trình bày nguyện vọng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

{2.2} Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên ông K và bà M cùng khai không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

{2.3} Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà M cùng khai không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

{2.4} Về án phí: Ông Lê K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê K đối với bà Lê Thị M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê K được ly hôn với bà Lê Thị M.
2. Về con chung: (Các con chung đã trưởng thành).
3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).
4. Về án phí: Ông Lê K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003993 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông K đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

